TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/DS-PT
Ngày: 20 - 12 -2022
V/v: Tranh chấp dân sự
về hợp đồng bảo hiểm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thành;

- Ông Nguyễn Hồng Thái;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng bảo hiểm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 157/2022/QĐ–PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Tổng Công ty Bảo hiểm B. Địa chỉ: số 07 X2, phường Y2, quận Z2, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Đỗ A, chức vụ: Phó Giám đốc Ban pháp chế và Kiểm tra nội bộ.

2. Bà Đỗ B, sinh năm 1998, chức vụ: Chuyên viên Ban pháp chế và Kiểm tra nội bộ.

3. Ông Nguyễn C, sinh năm 1988, chức vụ: Chuyên viên Ban giám định và bồi thường hàng hải.

4. Ông Huỳnh D, chức vụ: Giám định viên Phòng giám định bồi thường – Công ty B Bình Thuận.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 2 X3, phường Y3, quận Z3, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông T1 – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Khắc T2, sinh năm 1980, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Z1, tỉnh Bình Thuận. Địa chỉ: số 194 V1, thôn X4, xã Y4, huyện Z1, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Huỳnh Thị Dung, sinh năm 1967. Địa chỉ: thôn X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Dung: ông Nguyễn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Tổng công ty bảo hiểm B.

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn T, bà Đỗ B, ông Nguyễn C, ông Huỳnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2022, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/7/2020, ông Nguyễn T mua bảo hiểm của Tổng Công ty bảo hiểm B tại Công ty B Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận Bảo hiểm số 4537571 ngày 30/7/2020 thể hiện: Đối tượng được bảo hiểm: Tàu BTH-97539-TS, thời hạn bảo hiểm từ ngày 30/7/2020 đến ngày 19/8/2021. Giá trị tàu được bảo hiểm 6.900.000.000 đồng; Trong đó bao gồm vỏ tàu 4.600.000.000 đồng, máy móc 1.400.000.000 đồng, trang thiết bị 900.000.000 đồng; Tổng phí bảo hiểm phải thanh toán 50.050.000 đồng. Ông Nguyễn T đã nộp đủ số tiền mua bảo hiểm 50.050.000 đồng cho Tổng Công ty bảo hiểm B.

Trước khi mua bảo hiểm tại Tổng Công ty bảo hiểm B thì tàu của ông Nguyễn T đã được Ngân hàng N chi nhánh Z1 Bình Thuận xác định giá để cho vay với giá trị của tàu cá là 6.872.493.524 đồng. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 05/5/2015 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá E Xim thì có giá là 8.258.000.000đ. Việc thế chấp tài sản vay vốn đóng mới tàu là theo Nghị định 67/CP ngày 07 tháng 07 năm 2014 của Chính Phủ. Hạn mức tín dụng Ngân hàng cho vay là 4.800.000.000đ.

Vào hồi 10 giờ 00’ ngày 28/6/2021 tàu cá đang đánh bắt tại vùng biển cách đảo Z1 khoảng 175 hải lý về hướng Đông Bắc, cách đảo Côn Sơn khoảng 60 hải lý về phía Đông Nam của Việt Nam thì xảy ra sự cố làm cháy không thể cứu

chữa được. Hậu quả tàu cá cháy, chìm và thiệt hại 100%, Thuyền trưởng và các thuyền viên được tàu BTh-97979-TS do ông Nguyễn Văn H ở thôn X1, xã Y1, huyện Z1 cứu vớt an toàn. Do tàu bị cháy và chìm tại vùng biển có độ sâu lớn nên không thực hiện được việc trục vớt xác tàu.

Căn cứ Giấy chứng nhận bảo hiểm số 4537571 ngày 30/7/2020, ông Nguyễn T làm đơn yêu cầu Tổng Công ty bảo hiểm B có trách nhiệm bảo hiểm bồi thường cho ông số tiền 6.900.000.000 đồng, nhưng đến ngày 09/3/2022 Tổng Công ty bảo hiểm B mới có thông báo bồi thường và chỉ chấp nhận chi trả bảo hiểm cho ông Nguyễn T số tiền 5.025.000.000 đồng.

Không đồng ý với mức bồi thường do bên bảo hiểm đưa ra, ông Nguyễn T khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty bảo hiểm B phải trả đủ số tiền bảo hiểm là 6.900.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc là 3.655.000.000đ, là khoản tiền mà ông T còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Z1, tính từ ngày xảy ra tai nạn.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông T thay đổi yêu cầu khoản lãi phát sinh từ tiền vay ngân hàng sang yêu cầu khoản tiền lãi chậm trả trên số tiền 6.900.000.000đ mà lẽ ra bên Bảo hiểm phải chi trả cho ông. Thời gian tính lãi chậm trả tính từ ngày 09/3/2022 là ngày mà bên Bảo hiểm ra thông báo bồi thường với số tiền 5.025.000.000đồng cho đến khi chi tiền bảo hiểm. Lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

Tại văn bản trình bày, bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Tổng Công ty bảo hiểm B trình bày:

Bị đơn thừa nhận ông Nguyễn T mua bảo hiểm của Tổng Công ty bảo hiểm B tại Công ty B Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận Bảo hiểm số 4537571 ngày 30/7/2020 thể hiện: Đối tượng được bảo hiểm: Tàu BTH-97539-TS, thời hạn bảo hiểm từ ngày 30/7/2020 đến ngày 19/8/2021. Giá trị tàu được bảo hiểm 6.900.000.000 đồng; Trong đó bao gồm vỏ tàu 4.600.000.000 đồng, máy móc 1.400.000.000 đồng, trang thiết bị 900.000.000 đồng; Tổng phí bảo hiểm phải thanh toán 50.050.000 đồng. Ông Nguyễn T đã nộp đủ số tiền mua bảo hiểm 50.050.000 đồng cho Tổng Công ty bảo hiểm B.

Bị đơn thống nhất về sự kiện bảo hiểm xảy ra, bị đơn chấp nhận chi trả bảo hiểm theo như kết luận về nguyên nhân tổn thất: "Ngày 28/6/2021, trong khi tàu cá BTH-97539-TS bị hỏng máy và được lai dắt trên vùng biển Côn Đảo, máy phát điện của tàu hoạt động để sạc bình ắc quy đã bị chạm chập làm cháy buồng máy và gây nên tổn thất", hậu quả là tàu chìm hoàn toàn, mất xác, không thể T hành trục vớt. Về mức bồi thường thì bị đơn chỉ chấp nhận bồi thường số tiền là 5.025.000.000 đồng theo như kết quả thẩm định giá đã xác định.

Đối với khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả số tiền 6.900.000.000đ tiền bảo hiểm và số tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc 3.655.000.000đ mà bị đơn nợ Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Z1, bị đơn không đồng ý. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi thành khoản lãi chậm trả trên số tiền 6.900.000.000đ, bị đơn cũng không đồng ý với yêu cầu lãi chậm trả. Bị đơn chỉ đồng ý chi trả số tiền 5.025.000.000 đồng.

Tại các văn bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện cho Ngân hàng N - chi nhánh Z1 Bình Thuận trình bày:

Căn cứ hồ sơ vay vốn của khách hàng Nguyễn T tại Ngân hàng N chi nhánh Z1 Bình Thuận, thể hiện ông Nguyễn T vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 4815 - LAV - 201500526 ngày 19/5/2015 với số tiền cho vay tối đa là 4.800.000.000 đồng, tài sản thế chấp là tàu cá BTH-97539-TS. Tính đến ngày 10/5/2021 dư nợ của khách hàng Nguyễn T tại Ngân hàng là 3.655.000.000 đồng. Để đảm bảo cho việc thu hồi khoản tiền cho vay và do tàu cá của ông Nguyễn T được thế chấp tại Ngân hàng Agribank Z1, nên khi ông T mua bảo hiểm tại B thì ông T, Agribank Z1 và B Bình Thuận có thỏa thuận bằng văn bản với nội dung là trường hợp có tổn thất xảy ra thì Agribank Z1 là bên duy nhất thụ hưởng mọi quyền lợi bảo hiểm khi chủ tàu chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Do đó Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật, chấp thuận khởi kiện của nguyên đơn, số tiền tuyên buộc bên thụ hưởng là Agribank Chi nhánh Z1. Sau khi thu hồi số tiền nợ và lãi, Agribank Chi nhánh Z1 sẽ trả khoản tiền còn dư cho ông Nguyễn T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố P đã quyết định:

1. Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, g khoản 1 Điều 40, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 357, Điều 404, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015

- Các Điều 12, 15, 17, 18, 19, 21, 40, 41 46, 47, 48 của Luật kinh doanh bảo hiểm;

- Các Điều 2, 6, 7, 7A, 7B, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T. Buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải bồi thường cho ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Dung số tiền bảo hiểm là 6.900.000.000đ, lãi chậm trả là 345.945.205đ, tổng cộng là 7.245.945.205đồng (bảy tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm lẽ năm đồng).

Tổng Công ty Bảo hiểm B còn phải chịu khoản tiền lãi 10%/năm trên số tiền 6.900.000.000đ, kể từ ngày 13/9/2022 cho đến khi thi hành xong.

Số tiền bồi thường trên, Ngân hàng N - chi nhánh Z1, Bình Thuận là đơn vị có quyền thụ hưởng. Khi nhận được tiền bồi thường, thu hồi các khoản vay, lãi. Ngân hàng N - chi nhánh Z1, Bình Thuận có trách nhiệm chi trả số tiền còn lại cho ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Dung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền lãi 345.945.205đ) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng từ chối toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T đối với Tổng công ty Bảo hiểm B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm B là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy bị đơn Tổng công ty bảo hiểm B kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng bảo hiểm số 0486-2020/BVBT-BH3 ngày 30/7/2020 được ông Nguyễn T và Tổng Công ty bảo hiểm B ký kết phù hợp với các quy định tại

Điều 117 của Bộ luật dân sự và Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 22 của Luật kinh doanh bảo hiểm nên có hiệu lực.

Tại Điều 41 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: "Số tiền bảo hiểm là số tiền mà bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm cho tài sản đó".

Tại Điều 42 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định:

1. … Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không được giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị.

2. Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị được giao kết do lỗi vô ý của bên mua bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại cho bên mua bảo hiểm số phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với số tiền bảo hiểm vượt quá giá thị trường của tài sản được bảo hiểm, sau khi trừ các chi phí hợp lý có liên quan. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại không vượt quá giá thị trường của tài sản được bảo hiểm.

Tại Điều 46 của Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: "Số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm".

Xét thấy giữa Tổng Công ty bảo hiểm B và ông Nguyễn T đều thừa nhận: Đối tượng được bảo hiểm là Tàu BTH-97539-TS, thời hạn bảo hiểm từ ngày 30/7/2020 đến ngày 19/8/2021. Giá trị của tàu được bảo hiểm 6.900.000.000 đồng; Trong đó bao gồm vỏ tàu 4.600.000.000 đồng, máy móc 1.400.000.000 đồng, trang thiết bị 900.000.000 đồng; Tổng phí bảo hiểm phải thanh toán 50.050.000 đồng, trong đó phí bảo hiểm thân tàu 48.300.000 đồng. Ông Nguyễn T đã nộp đủ số tiền mua bảo hiểm cho Tổng Công ty bảo hiểm B. Đây là giá trị thực tế của tàu cá BTH-97539-TS được hai bên xác định trong hợp đồng bảo hiểm. Xét thấy khi đang hoạt động trên biển, do gặp nạn nên tàu cá BTH-97539-TS bị chìm, mất xác, không thể T hành trục vớt. Như vậy, trong trường hợp này, mức độ thiệt hại thực tế của của tàu cá BTH-97539-TS là thiệt hại toàn bộ 100% nên giá trị của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm ký kết giữa các bên sẽ được xác định làm căn cứ cho việc bồi thường thiệt hại.

Việc Tổng Công ty bảo hiểm B không đồng ý bồi thường số tiền 6.900.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Nguyễn T và cho rằng, Tổng Công ty bảo hiểm B căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số VC21/12/036/ĐS ngày 16/12/2021 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đỉnh Vàng, thẩm định giá trị tàu cá BTh-79539-TS có giá trị là 5.025.000.000đồng tại thời điểm tháng 6/2021 nên chỉ đồng ý bồi thường số tiền theo chứng thư thẩm định giá cho ông Nguyễn T. Nội dung này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty Thẩm định giá Đỉnh Vàng thực hiện việc thẩm định theo yêu cầu của Công ty Cổ phần giám định Kỹ thuật Việt Nam. Việc thẩm định chỉ căn cứ vào hồ sơ, giấy tờ do phía B và Công ty Cổ phần giám định Kỹ thuật Việt Nam cung cấp, phương pháp thẩm định là "Cách tiếp cận từ thị trường và phương pháp so sánh". Kết quả thẩm định trên

không đủ cơ sở để chấp nhận lấy làm giá để giải quyết trong vụ việc bồi thường tiền bảo hiểm, bởi:

Chứng thư Thẩm định giá nêu: Mục đích thẩm định giá là "Làm cơ sở tham khảo giá trị tàu cá tại thời điểm tháng 6/2021 để giải quyết bảo hiểm cho tàu". Như vậy, kết quả thẩm định giá chỉ được xem là một trong những dữ liệu tham khảo tư vấn về giá trị, làm cơ sở tham khảo giá để giải quyết bảo hiểm theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, chứng thư thẩm định giá còn nêu hạn chế của kết quả thẩm định giá về mặt pháp lý, về mặt vật chất và về thị trường. Như vậy kết quả thẩm định giá chỉ mang tính chất tham khảo, không đủ căn cứ để xác định chính xác giá trị tài sản (tàu cá BTh-79539-TS) tại thời điểm xảy ra thiệt hại.

Xét thấy trong vụ việc trên, tàu cá của ông Nguyễn T bị chìm, mất toàn bộ tài sản, thiệt hại xác định là 100%. Khi mua bảo hiểm, ông Nguyễn T và B Bình Thuận đã thống nhất xác định "giá trị thực tế" của tàu cá là 6.900.000.000 đồng để làm căn cứ tính phí bảo hiểm. Khi thực hiện hợp đồng bảo hiểm, Bảo hiểm B lập Giấy yêu cầu và chấp nhận bảo hiểm, trong đó có ghi: "Giá trị tài sản có thể được xác định lại khi tàu xảy ra tai nạn". Tuy nhiên, do tàu cá BTh-79539-TS bị chìm, không trục vớt được. Đồng thời chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá Đỉnh Vàng chỉ mang tính chất tham khảo nên không đủ cơ sở để xác định giá trị tàu cá BTh-79539-TS tại thời điểm xảy ra thiệt hại.

Từ những căn cứ và phân tích trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giá trị thực tế của tàu cá BTh-79539-TS tại thời điểm xác lập hợp đồng bảo hiểm để tuyên buộc Tổng Công ty bảo hiểm B phải bồi thường cho ông Nguyễn T 6.900.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả trên số tiền 6.900.000.000đ, thời gian tính lãi chậm trả tính từ ngày 09/3/2022 là ngày mà bên Bảo hiểm ra thông báo bồi thường cho đến khi chi trả tiền bảo hiểm, lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là 10%/1 năm. HĐXX thấy rằng:

Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Khoản 3 Điều 46 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: Ngoài số tiền bồi thường, doanh nghiệp bảo hiểm còn phải trả cho người được bảo hiểm những chi phí cần thiết, hợp lý để đề phòng, hạn chế tổn thất và những chi phí phát sinh mà người được bảo hiểm phải chịu để thực hiện chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm.

Xét thấy tại buổi làm việc ngày 06/11/2021, Bảo hiểm B đã thông báo chấp nhận mức bồi thường 5.105.176.904 đồng và xác định từ thời điểm ngày

06/11/2021 đã đủ điều kiện bồi thường, chi trả nếu bên ông T thống nhất mức tiền nêu trên. Tuy nhiên do ông T không đồng ý mức bồi thường nên Bảo hiểm B tiếp tục thẩm định giá, kết quả thẩm định giá có từ ngày 16/12/2021 nhưng đến ngày 09/3/2022 mới ra thông báo bồi thường mới. Như vậy, việc ông T yêu cầu khoản lãi chậm trả từ thời điểm ngày 09/3/2022 là có căn cứ. Bởi thời điểm xảy ra thiệt hại từ ngày 28/6/2021 nhưng đến ngày 09/3/2022 Bảo hiểm B mới thông báo về bồi thường và mức bồi thường theo kết quả thẩm định giá không có căn cứ và không được ông T chấp nhận. Đây là lỗi của Công ty Bảo hiểm B đã gây thiệt hại cho ông T. Do đó yêu cầu của ông T về khoản lãi chậm trả từ thời điểm ngày 09/3/2022 cho đến khi thực hiện việc chi trả là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ đó xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm B, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận là phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng công ty bảo hiểm B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố P.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, g khoản 1 Điều 40, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 117, 357, Điều 404, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Các Điều 12, 15, 17, 18, 19, 21, 40, 41 46, 47, 48 của Luật kinh doanh bảo hiểm; Các Điều 2, 6, 7, 7A, 7B, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T. Buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải bồi thường cho ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Dung số tiền bảo hiểm là 6.900.000.000 đồng, lãi chậm trả là 345.945.205 đồng, tổng cộng là 7.245.945.205 đồng (bảy tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi lăm ngàn, hai trăm lẽ năm đồng).

Tổng Công ty Bảo hiểm B còn phải chịu khoản tiền lãi 10%/năm trên số tiền 6.900.000.000đ, kể từ ngày 13/9/2022 cho đến khi thi hành xong.

Số tiền bồi thường trên, Ngân hàng N - chi nhánh Z1, Bình Thuận là đơn vị có quyền thụ hưởng. Khi nhận được tiền bồi thường, thu hồi các khoản vay, lãi, Ngân hàng N - chi nhánh Z1, Bình Thuận có trách nhiệm chi trả số tiền còn lại cho ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Dung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền lãi 345.945.205đồng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí sơ thẩm:

Tổng Công ty bảo hiểm B phải nộp 115.245.945 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho ông Nguyễn T 59.277.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0009642 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

3/ Về án phí phúc thẩm: Tổng Công ty bảo hiểm B phải chịu 300.000 đồng nhưng được cấn trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0010090 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P. Tổng Công ty bảo hiểm B đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 20/12/2022).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TP. P;
- Chi Cục THADS TP. P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS; Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Phước Hiệu